

CHÍNH SÁCH TÀI CHÍNH ĐỐI VỚI HỌC SINH PHỔ THÔNG DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

ĐINH THỊ PHƯƠNG LAN*

Ngày nhận bài: 12/09/2017; ngày sửa chữa: 15/09/2017; ngày duyệt đăng: 17/09/2017.

Abstract: Boarding school students of ethnic minorities are always paid attention by the Government through many supporting policies. In this article, author mentions some basically theoretical issues on process of drawing up policies; approaches to policy; functions and requirements of financial policies for boarding school students of ethnic minorities as direct and indirect supports.

Keywords: Policy, financial policies, student, ethnic minorities.

1. Mở đầu

Chính sách tài chính đối với học sinh phổ thông (HSPT) dân tộc thiểu số trong bối cảnh hiện nay có vai trò đặc biệt quan trọng trong định hướng mục tiêu đối với nguồn lực tài chính nhằm tạo điều kiện cho HSPT dân tộc thiểu số có cơ hội bình đẳng tiếp cận giáo dục. Chính sách tài chính đối với HSPT dân tộc thiểu số nếu được tiếp tục hoàn thiện, phù hợp với thực tiễn sẽ tạo động lực cho HSPT dân tộc thiểu số học tập, chủ động hòa nhập cộng đồng, đời sống KT-XH. Chính sách cũng chính là công cụ để kiểm soát và phân bổ nguồn lực tài chính, đáp ứng mục tiêu phát triển giáo dục phổ thông vùng dân tộc thiểu số trong bối cảnh hiện nay. Chính sách tài chính đối với HSPT dân tộc thiểu số được hoàn thiện giúp cải thiện cơ sở vật chất, nâng cao chất lượng đội ngũ, tạo môi trường giáo dục tốt hơn, phục vụ sự nghiệp đổi mới căn bản và toàn diện GD-ĐT hiện nay.

Bài viết đề cập một số vấn đề lý luận cơ bản về quá trình chính sách; các cách tiếp cận chính sách; chức năng và yêu cầu về chính sách tài chính đối với HSPT dân tộc nội trú; chính sách tài chính đối với học sinh dân tộc thiểu số với các chính sách hỗ trợ trực tiếp, hỗ trợ gián tiếp. Những vấn đề lý luận này là cơ sở cho việc xây dựng các nội dung khảo sát thực trạng, từ đó đề xuất các giải pháp quản lý tài chính đối với HSPT dân tộc thiểu số một cách hiệu quả trong bối cảnh hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề lý luận cơ bản về chính sách

2.1.1. Quy trình chính sách. Các công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước đã đưa ra các bước của một quy trình chính sách sau đây [1]:

- **Xác định vấn đề chính sách:** Nhận thức về vai trò quan trọng của xác định vấn đề chính sách, theo đó không chỉ có cơ quan, tổ chức xác định vấn đề chính sách mà còn có cơ quan, tổ chức xây dựng, thông qua chính sách; tổ chức thực hiện chính sách; phối hợp tổ chức thực hiện chính sách; đánh giá chính sách, đối tượng thụ hưởng chính sách, đối tượng liên quan, cộng đồng cũng cần được thông tin,

tham vấn khi xác định vấn đề chính sách. Để làm cơ sở cho xác định chính sách, chất lượng quản lý thông tin, số liệu thống kê là cơ sở cho xác định chính sách.

- **Xây dựng và thông qua chính sách:** Nhận thức về vai trò của xây dựng và thông qua chính sách cũng cần được chú trọng. Nghiên cứu dự báo chính sách, dự báo tác động của chính sách tốt, đảm bảo chính sách áp dụng được trong thực tiễn có hiệu quả, xây dựng mục tiêu chính sách khả thi, đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Đồng thời với việc xác định mục tiêu chính sách tốt, cũng cần xây dựng giải pháp, lộ trình chính sách khả thi, hiệu quả.

- **Tổ chức thực hiện chính sách:** Nhận thức về vai trò của tổ chức thực hiện chính sách không chỉ quan trọng đối với cơ quan trực tiếp tổ chức thực hiện chính sách mà còn đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong quá trình chính sách. Cần chuẩn bị bộ máy tổ chức thực hiện chính sách; xây dựng chương trình, kế hoạch hành động; ban hành văn bản hướng dẫn, tập huấn kịp thời, hiệu quả. Để tạo được sự đồng thuận trong tổ chức thực hiện chính sách, cần vận hành hệ thống thông tin tuyên truyền chính sách; phối hợp với ban ngành, đoàn thể, tổ chức, cá nhân trong tổ chức thực hiện chính sách. Giám sát, kiểm tra, đánh giá, củng cố, điều chỉnh kịp thời, xử lý sai phạm nghiêm trọng trong tổ chức thực hiện chính sách.

- **Đánh giá chính sách:** Nhận thức vai trò đánh giá chính sách cần được chú trọng không chỉ đối với chủ thể đánh giá chính sách, mà còn cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong tổ chức chính sách. Để đánh giá chính sách có hiệu quả, cần có đội ngũ cán bộ, chuyên gia đánh giá chính sách có năng lực, trách nhiệm, chuyên nghiệp; chính sách được đánh giá thường xuyên, độc lập, hiệu quả. Kết quả đánh giá chính sách được quản lý, khai thác hiệu quả. Làm cơ sở cho việc đánh giá chính sách, cần có tiêu chí, nội dung đánh giá chính sách rõ ràng. Các tiêu chí đánh giá chính sách cụ thể

* Hội đồng Dân tộc, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

như: kết quả thực hiện chính sách, hiệu lực thực thi chính sách có tốt không; chi phí cho chính sách hiệu quả không; chính sách góp phần phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng học tập của học sinh; chính sách ra đời không phá vỡ hệ thống chính sách hiện hành; chính sách được sự đồng thuận của đối tượng thụ hưởng chính sách, cộng đồng, xã hội, cơ quan tổ chức thực hiện...

- *Kết thúc, duy trì, hiệu chỉnh chính sách*: Cần nâng cao nhận thức về vai trò quan trọng của kết thúc, duy trì, hiệu chỉnh chính sách. Cần trao đổi thông tin, tham vấn việc kết thúc, duy trì, hiệu chỉnh chính sách đầy đủ đến cơ quan, tổ chức, các đối tượng liên quan, cộng đồng, xã hội. Chất lượng quản lý thông tin, số liệu thống kê phù hợp, kịp thời, liên tục trong quá trình chính sách. Nghiên cứu dự báo chính sách, dự báo tác động và quyết định kết thúc, duy trì, hiệu chỉnh chính sách kịp thời, hiệu quả [1], [2], [3].

2.1.2. Các cách tiếp cận chính sách:

- *Tiếp cận chính trị học*: Công cụ chính sách đóng một vai trò quyết định tới sự thành bại của của đường lối chính trị. Nhìn chung, chính sách là công cụ của chính trị. Tuy nhiên, không phải chính sách nào cũng bị chi phối bởi quyền lực chính trị và là công cụ phục vụ trực tiếp cho mục tiêu chính trị.

- *Tiếp cận xã hội học*: Tiếp cận xã hội học của chính sách là tập hợp các biện pháp do chủ thể quản lý đưa ra, nhằm tạo lợi thế cho một/ một số nhóm xã hội, giảm lợi thế của một/ một số nhóm xã hội khác, để thúc đẩy việc thực hiện một/ một số mục tiêu xã hội mà chủ thể quyền lực đang hướng tới.

- *Tiếp cận tâm lý học*: Theo tiếp cận tâm lý học, chính sách là tập hợp các biện pháp đối xử ưu đãi đối với một nhóm xã hội, nhằm kích thích vào động cơ hoạt động của nhóm này hướng theo việc thực hiện một hoặc một số mục tiêu của chủ thể quyền lực.

- *Tiếp cận kinh tế học*: Từ tiếp cận kinh tế học, lợi ích kinh tế đóng vai trò rất quan trọng trong việc kích thích các động cơ hoạt động của con người. Bên cạnh các biện pháp thường vật chất, quan trọng hơn là các thiết chế vĩ mô, thông qua một hệ thống công cụ rất đa dạng. Có những chính sách tác động trực tiếp vào lợi ích kinh tế của cá nhân, tổ chức nhưng cũng có những chính sách tác động gián tiếp như chính sách đầu tư, chính sách giá cả, chính sách phân bổ. Nếu không sử dụng đúng các công cụ từ tiếp cận kinh tế học, nhiều khi xã hội được nhận những tác động ngược lại với mong muốn.

- *Tiếp cận khoa học pháp lý*: Xét về mặt pháp lý, chính sách là tập hợp các biện pháp được thể chế hóa về mặt pháp lý, để phân biệt đối xử giữa các nhóm xã hội, điều chỉnh động cơ hoạt động của các nhóm hướng theo mục tiêu phát triển xã hội.

- *Tiếp cận hệ thống*: Quá trình chính sách là quá trình phát triển hệ thống, đưa hệ thống từ một trạng thái bất đồng bộ này sang một trạng thái bất đồng bộ khác. Nhiệm vụ của người làm chính sách phải nhận rõ, khi quyết định một chính sách, yếu tố mất đồng bộ này được khắc phục, đồng thời một yếu tố bất đồng bộ mới sẽ xuất hiện. Không ảo tưởng tạo ra một hệ thống ổn định vĩnh viễn, bởi vì theo cách nhìn biện chứng, nếu đã ổn định vĩnh viễn thì không còn phát triển nữa [4; tr 16-31]. Chính sách tài chính đối với HSPT dân tộc thiểu số trong bối cảnh hiện nay được tiếp cận hệ thống nhằm xác định rõ yếu tố mất đồng bộ, hiệu chỉnh chính sách giúp thúc đẩy hệ thống phát triển.

2.1.3. *Chức năng của chính sách tài chính đối với HSPT dân tộc thiểu số*. Là một trong những công cụ quản lý tài chính vĩ mô quan trọng nhất của nhà nước về giáo dục phổ thông, chính sách tài chính đối với HSPT dân tộc thiểu số cũng có những chức năng cơ bản như vậy.

- *Chức năng định hướng*: Chính sách tài chính đối với HSPT dân tộc thiểu số trong bối cảnh hiện nay là sự cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đảng, là công cụ quản lý tài chính vĩ mô tạo điều kiện vật chất quan trọng định hướng phát triển của giáo dục phổ thông đối với HSPT dân tộc thiểu số trong bối cảnh hiện nay. Chính sách tài chính đối với HSPT dân tộc thiểu số là một phương tiện quan trọng định hướng nguồn lực tài chính tạo điều kiện thuận lợi cho HSPT dân tộc thiểu số bình đẳng trong tiếp cận giáo dục. Chính sách tài chính đối với HSPT dân tộc thiểu số hướng dẫn việc sử dụng và khai thác nguồn lực tài chính để đáp ứng kịp thời, hiệu quả, tiết kiệm nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đối với HSPT dân tộc thiểu số.

- *Chức năng điều chỉnh*: Chính sách tài chính đối với HSPT dân tộc thiểu số được Nhà nước ban hành để giải quyết những vấn đề bức xúc phát sinh, điều tiết những mất cân đối, những hành vi không phù hợp, nhằm tạo ra một hành lang hợp lý quản lý nguồn lực tài chính cho các hoạt động giáo dục đối với HSPT dân tộc thiểu số theo các mục tiêu đề ra, trong đó có phát huy những tác dụng tích cực và hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực đến HSPT dân tộc thiểu số.

- *Chức năng kích thích sự phát triển*: Chính sách tài chính đối với HSPT dân tộc thiểu số có vai trò kích thích, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển giáo dục phổ thông đối với HSPT dân tộc thiểu số. Cũng giống như bất cứ chính sách công nào khác, bản thân mỗi chính sách tài chính đối với HSPT dân tộc thiểu số khi hướng vào việc giải quyết một vấn đề bức xúc đã làm cho sự vật phát triển thêm một bước. Đồng thời, khi giải quyết một vấn đề thì chính sách đó lại tác động lên các vấn đề khác, làm nảy sinh những nhu cầu mới.

2.1.4. Yêu cầu đối với chính sách:

- *Đảm bảo tính thống nhất với hệ thống chính sách phát triển GD-ĐT*: Việt Nam là một quốc gia có quyền lực của nhà nước là thống nhất, một hệ thống chính sách thống

nhất dưới hình thức Quốc hội phê chuẩn, Chính phủ thống nhất quản lí. Nguyên tắc đảm bảo tính thống nhất đối với hệ thống chính sách phát triển GD-ĐT nói chung, chính sách tài chính đối với HSPT dân tộc thiểu số nói riêng đòi hỏi phải cụ thể hóa bằng các quy định: Nhà nước ban hành các chính sách cụ thể. Chính quyền các cấp có trách nhiệm thể chế hóa, tổ chức thực hiện, kiểm tra, thanh tra, kiến nghị duy trì, hiệu chỉnh, chấm dứt những chính sách Nhà nước đã ban hành. Chính quyền các cấp không được tự ý ban hành các chính sách riêng trái với quy định của Trung ương, do Trung ương ban hành.

- *Đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ*: Trong quá trình chính sách nói chung, chính sách tài chính đối với HSPT dân tộc thiểu số nói riêng, phải coi trọng nguyên tắc tập trung dân chủ đảm bảo cho hệ thống chính sách tài chính đối với HSPT dân tộc thiểu số vừa hiệu quả, vừa phát huy sức mạnh của hệ thống, đảm bảo tính năng động sáng tạo của các cấp trong quá trình chính sách đối với HSPT dân tộc thiểu số. Vấn đề tư cho giáo dục nói chung, chính sách tài chính đối với HSPT dân tộc thiểu số nói riêng luôn có giới hạn. Việc phân bổ vốn và sử dụng vốn phải đảm bảo yêu cầu tiết kiệm và hiệu quả. Phải đảm bảo đầu tư tập trung, có trọng điểm, lựa chọn ưu tiên đúng đắn, tránh dàn trải trên cơ sở dự kiến chính sách hợp lí. Phát huy hiệu quả quyền lực của cơ quan quyết định và phê chuẩn chính sách, vai trò điều hành của cơ quan chấp hành chính sách [5; tr 13-14].

2.2. Nội dung chính sách tài chính đối với HSPT dân tộc thiểu số

2.2.1. *Chính sách tài chính hỗ trợ trực tiếp đối với HSPT dân tộc thiểu số*. Chính sách tài chính hỗ trợ trực tiếp đối với HSPT dân tộc thiểu số là các quy định cụ thể bao gồm: học phí, học bổng, chế độ thưởng, trang cấp hiện vật, tiền tàu xe, hỗ trợ học phẩm, sách giáo khoa, chi cho Tết nguyên đán, dân tộc, chi hoạt động văn thể, chi bảo vệ sức khỏe, chi tuyển sinh và thi tốt nghiệp, chi tiền điện, nước phục vụ việc học tập và sinh hoạt, chi nhà ăn tập thể... Theo đó, HSPT dân tộc thiểu số có điều kiện thuận lợi, bình đẳng trong tiếp cận giáo dục. Công thức tổng quát lí tưởng: *Chi phí của gia đình theo tình hình tài chính + Chi phí được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước + Chi phí được miễn giảm + Nguồn tài chính hỗ trợ của tổ chức, cá nhân, cộng đồng = Toàn bộ chi phí HSPT dân tộc thiểu số cần để hoàn tất việc học tập (một năm học, một cấp học)*.

2.2.2. *Chính sách tài chính hỗ trợ gián tiếp đối với HSPT dân tộc thiểu số*:

- *Thù lao lao động, chính sách đối với cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên giáo dục phổ thông*: Hệ thống thù lao lao động trong tổ chức công ở Việt Nam nói chung và hệ thống các đơn vị sự nghiệp, cơ sở giáo dục phổ thông nói riêng bao gồm lương tối thiểu, tiền lương và các khoản

phụ cấp lương của người lao động, chế độ tiền lương chức vụ, chế độ tiền lương chuyên môn nghiệp vụ [6]; các khoản phụ cấp như phụ cấp khu vực, phụ cấp độc hại, nguy hiểm; phụ cấp trách nhiệm công việc, phụ cấp lưu động, phụ cấp thu hút, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo, phụ cấp ưu đãi nghề [7; Điều 4]; các phúc lợi đối với người làm việc như nghỉ phép năm, nghỉ lễ tết... được hưởng 100% lương chức vụ hoặc mức lương chuyên môn nghiệp vụ, được hưởng bảo hiểm xã hội, được chăm sóc sức khỏe và bảo hiểm y tế, được hưởng bảo hiểm thất nghiệp. Để hỗ trợ phát triển, tạo điều kiện, cơ hội bình đẳng đối với HSPT dân tộc thiểu số trong tiếp cận giáo dục không chỉ có thù lao lao động đối với đội ngũ cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên được quy định tại các chính sách phù hợp mà còn cần chính sách tài chính phù hợp cho quản lí, phát triển đội ngũ bao gồm: phân tích công việc; kế hoạch hóa; tuyển dụng; đào tạo; đánh giá, sử dụng nguồn nhân lực.

- *Chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở vật chất giáo dục phổ thông*: Chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở vật chất giáo dục phổ thông phản ánh mối quan hệ phân phối nguồn lực dưới hình thức giá trị, phát sinh trong quá trình hình thành, tạo lập, phân phối và sử dụng các quỹ tiền tệ của các chủ thể có liên quan đáp ứng yêu cầu, đảm bảo quá trình giáo dục đối với HSPT nói chung, HSPT dân tộc thiểu số nói riêng, cơ bản, toàn diện, hướng nghiệp và có hệ thống; gắn với thực tiễn cuộc sống, phù hợp với tâm, sinh lí lứa tuổi của học sinh, đáp ứng mục tiêu giáo dục ở mỗi cấp học, phát triển nguồn nhân lực cho cả nước và của địa phương.

Xét theo nguồn tài chính, có thể phân loại nguồn tài chính để đầu tư xây dựng cơ sở vật chất giáo dục phổ thông gồm: Nguồn ngân sách nhà nước và nguồn ngoài ngân sách nhà nước như nguồn vốn huy động từ học phí, đóng góp từ người dân và các tổ chức trên địa bàn; nguồn thu từ các hoạt động sự nghiệp được bổ sung đầu tư cơ sở vật chất; các nguồn vốn khác hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất có tính chất tự nguyện từ các tổ chức, cá nhân. Tuy nhiên, nguồn ngoài ngân sách nhà nước đầu tư cơ sở vật chất giáo dục phổ thông có đông HSPT dân tộc thiểu số học thường thuộc vùng khó khăn, đặc biệt khó khăn rất hạn chế, chủ yếu vẫn dựa vào nguồn từ ngân sách nhà nước.

Khi thực hiện phân bổ, sử dụng nguồn từ ngân sách nhà nước để đáp ứng nhu cầu xây dựng cơ sở vật chất giáo dục phổ thông công lập, thường kết hợp theo nhiều phương thức khác nhau như: chi thường xuyên, chi đầu tư xây dựng cơ bản tập trung, chi chương trình mục tiêu quốc gia và chi thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất giáo dục phổ thông từ các dự án vốn ODA, vốn trái phiếu chính phủ [8], [9], [10], [11].

3. Kết luận

Chính sách tài chính đối với HSPT dân tộc thiểu số trong bối cảnh hiện nay có vai trò đặc biệt quan trọng, đó là định hướng mục tiêu đối với nguồn lực tài chính nhằm tạo điều kiện cho HSPT dân tộc thiểu số có cơ hội bình đẳng trong tiếp cận giáo dục. Chính sách tài chính đối với HSPT dân tộc thiểu số nếu được tiếp tục hoàn thiện, phù hợp với thực tiễn sẽ tạo động lực cho HSPT dân tộc thiểu số học tập, chủ động hòa nhập trong cộng đồng, đời sống KT-XH. Chính sách tài chính đối với HSPT dân tộc thiểu số là các chính sách theo quy định của pháp luật nhằm hỗ trợ HSPT dân tộc thiểu số vùng có điều kiện thuận lợi được học và hoàn thành việc học tập. Chính sách tài chính đối với HSPT dân tộc thiểu số trong bối cảnh hiện nay phải nhằm huy động các nguồn lực tài chính từ ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính có tiềm năng, đồng thời phải đảm bảo việc phân phối, sử dụng hiệu quả. Việc nghiên cứu chính sách tài chính đối với HSPT dân tộc thiểu số có ý nghĩa quan trọng trong xây dựng các tiền đề lý luận cho việc nghiên cứu, đánh giá thực trạng và định hướng giải pháp sẽ đề xuất nhằm hoàn thiện chính sách tài chính đối với HSPT dân tộc thiểu số trong bối cảnh hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

[1] Lê Chi Mai (2001). *Những vấn đề cơ bản về chính*

sách và quy trình chính sách. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

[2] Lê Vinh Danh (2001). *Chính sách công của Hoa Kỳ bối cảnh 1935-2001*. NXB Thống kê, tr 122-123.

[3] Đặng Bá Lãm - Phạm Thành Nghị (1999). *Chính sách và kế hoạch trong quản lý Giáo dục*. NXB Giáo dục.

[4] Vũ Cao Đàm (2011). *Giáo trình khoa học Chính sách*. NXB Đại học Quốc gia.

[5] Vũ Thu Giang (chủ biên, 2000). *Chính sách Tài chính của Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

[6] Bộ Tài Chính (2001). *Những vấn đề về chính sách tài chính*. NXB Tài chính.

[7] Bộ Tài Chính (2006). *Chế độ tự chủ về tài chính, biên chế và quản lý các khoản chi trong cơ quan nhà nước*. NXB Tài chính.

[8] Trần Xuân Hải (2014). *Quản lý Tài chính công ở Việt Nam - Thực trạng và giải pháp*. NXB Tài chính.

[9] Nguyễn Vũ Bích Hiền - Nguyễn Văn Anh (2015). *Quản lý tài chính và cơ sở vật chất trong giáo dục*. NXB Giáo dục Việt Nam.

[10] Nguyễn Ngọc Hùng (2006). *Quản lý ngân sách nhà nước*. NXB Thống kê.

[11] Vũ Thị Nhài (2007). *Quản lý tài chính công ở Việt Nam*. NXB Tài chính.

Quản trị tài chính tiếp cận...

(Tiếp theo trang 24)

hiện vẫn còn tương đối cao so với lãi suất thực dương trên thị trường vốn.

3. Kết luận

Có thể kết luận, đầu tư cho GDĐH là có hiệu quả đối với cá nhân người học cũng như đối với toàn xã hội. Ngoài hiệu quả về mặt kinh tế, còn có những tác động tích cực phi kinh tế mà chúng ta tạm thời chưa nghiên cứu sâu trong khuôn khổ nghiên cứu này. Một lần nữa, kết luận này cho thấy, xét trên phương diện hiệu quả đầu tư, Chính phủ hoàn toàn có cơ sở để tiếp tục cho phép các cơ sở đào tạo tăng học phí. Tuy nhiên, mức học phí phải gắn liền với chất lượng đào tạo và Chính phủ cần kiểm soát chặt chẽ mối quan hệ này. □

Tài liệu tham khảo

[1] Asian Development Bank (2011). *Higher Education Across Asia: An Overview of Issues and Strategies*. Manila: ADB.

[2] Asian Development Bank (2012). *Counting the Cost: Financing Asian Higher Education for Inclusive Growth*. Manila: ADB.

[3] Mankiw, G, Romer, D, Weil, D (1992). *A contribution to the empirics of Economic growth*. The quarterly Journal of Economics, pp. 407-437, May, 1992.

[4] Ngân hàng thế giới (2012). *Phát huy hiệu quả của Giáo dục đại học: Kỹ năng và nghiên cứu để tăng trưởng ở khu vực Đông Á*. Ngân hàng thế giới khu vực Đông Á Thái Bình Dương, Báo cáo khu vực.

[5] Chính phủ (2015). *Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 về Quy định cơ chế tự chủ đơn vị sự nghiệp công lập*.

[6] Phùng Xuân Nhạ - Phạm Xuân Hoan (2012). *Deficiency in Investment in Early Education: the Second-best Optimal Levels of Investment in Later Education and Human Capital, already submitted to and being reviewed by the Singapore Economic Review*.

[7] Psacharopoulos, G, Patrinos, H (2004). *Return on Investment in Education: A further update*. Education Economics, Vol. 12, No. 2, pp. 111-134, August 2004.

[8] Quiggin, J (1982). *A theory of anticipated utility*. Journal of Economic Behavior & Organization, 1982, vol. 3, issue 4, 323-343.

[9] Phùng Xuân Nhạ - Phạm Xuân Hoan (2015). *Luận cứ khoa học của việc nâng cao hiệu quả đầu tư tài chính cho giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2016-2020 và tầm nhìn 2030*. Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước, mã số 01.2013.

[10] Phùng Xuân Nhạ - Nguyễn Trường Giang (2016). *Đổi mới chính sách học phí và phân bổ ngân sách nhà nước cho giáo dục Đại học Công lập Việt Nam dựa trên cách tiếp cận hiệu quả tài chính*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.